TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 280/2021/DS-ST
Ngày: 20-12-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Dựa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Nguyên;
2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2020/TB-TLVA ngày 15/10/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 222/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP SGTT**;
Địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường A, Quận B, Thành phố H
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Thanh M; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Quận G.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng H; Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP SGTT (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà **Vương Thị Nhi H1**, sinh năm: 1965;
Địa chỉ: A13/29I Khu phố 1, thị trấn T, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn có ông Nguyễn Trọng Hiếu trình bày:

Ngày 18/01/2018, bà Vương Thị Nhi H1 có ký với Ngân hàng TMCP SGTT (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ vào thu nhập của bà Vương Thị Nhi H1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với

hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 59.225.226 đồng.

Lãi được tính trên gia dịch phát sinh theo từng ngỳ và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 25 của Ban điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà H1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 Ban điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân ahngf, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ đến nay Bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng. tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước.

Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.

Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.

Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ.

Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.

Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Bà H1 sử dụng thẻ từ tháng 01/2018 đến tháng 03/2018 và có thanh toán đều cho Ngân hàng nhưng đến tháng 04/2018 thì ngưng thanh toán. Tháng 4/2018 đến nay thì Bà H1 không thanh toán nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 31/07/2018 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều Khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc là 23.536.986 đồng, áp dụng theo mức lãi suất quá hạn là 3,75%/tháng (lãi trong hạn: 2,5%/tháng). Tiền lãi quá hạn kể từ ngày 01/8/2018 đến ngày 23/10/2020 là 23.978.115 đồng.

Ngân hàng chỉ yêu cầu Bà H1 có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho ngân hàng ngoài ra không yêu cầu ai khác phải có trách nhiệm thanh toán.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà H1 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà H1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án buộc bà Vương Thị Nhi H1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/01/2020 tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 59.444.684 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) trong đó:

Nợ gốc: 23.136.986 đồng

Lãi quá hạn: 36.307.698 đồng

Và bà Vương Thị Nhi H1 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 20/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 vắng mặt và không thể hiện ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên toà có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bà Vương Thị Nhi H1. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Đối với nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Nguyễn Trọng Hiếu có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Hiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Bà H1 vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Ngân hàng TMCP SGTT yêu cầu Tòa án buộc bà Vương Thị Nhi H1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 18/01/2020 tạm tính đến ngày 20/12/2021 là 59.444.684 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng) và khoản lãi phát sinh từ ngày 21/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định trong hợp đồng tín

dụng;

[3.1]. Còn bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng Bà H1 vẫn vắng mặt. Vì vậy, Bà H1 đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3.2] Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng lập ngày 28/12/2017 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, bảng sao kê số thẻ 356481-5518 từ ngày 31/01/2018 thì có cơ sở để xác định bà Vương Thị Nhi H1 có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng, lãi suất là 2.5%/tháng.

[3.3] Theo bảng tóm tắt sao kê ngày 31/01/2018, sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà H1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 59.225.226 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bà H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40.000.000 đồng.

Từ ngày 30/4/2018 đến nay, Bà H1 đã ngưng không thanh toán thêm bất cứ khoản nào cho Ngân hàng.

[3.4] Căn cứ Điều 2 của điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại có quy định *"Không phải đưa ra thông báo trước, đơn vị phát hành thẻ luôn bảo lưu và có toàn quyền quyết định: Chấm dứt việc sử dụng thẻ của chủ thẻ vào bất kỳ lúc nào*". Do đó, ngày 31/7/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[3.5] Căn cứ Khoản 27 Điều 1 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng có quy định *"Áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại".*

[3.6] Căn cứ khoản 4 Điều 161 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 có quy định "*Đối với các hợp đồng cấp tín dụng được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo các thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng cấp tín dụng"*

Do Bà H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của Bảng điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 trả số tiền gốc và lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[3.7] Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Vương Thị Nhi H1, buộc bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền nợ gốc là 23.136.986 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 20/12/2021/2020 là 36.307.698 đồng, tổng cộng là 59.444.684 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 21/12/2021 cho đến khi trả dứt nợ vay theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[4]. Xét lời đề nghị của đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 161 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần SGTT đối với bị đơn bà Vương Thị Nhi H1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Vương Thị Nhi H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 20/12/2021 là 59.444.684 đồng (Năm mươi chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng).

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 21/12/2021, bà Vương Thị Nhi H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Vương Thị Nhi H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.972.234 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn hai trăm ba mươi bốn đồng).

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.148.895 đồng (một triệu một trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0080174 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Dựa

2 000004 140205